

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

Báo cáo tài chính riêng quý 2 năm 2017

Ngày 30 tháng 06 năm 2017



Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014996 ngày 13 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 36/UBCK-GPHĐKD ngày 25 tháng 12 năm 2006 và các giấy phép điều chỉnh sau:

<i>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh số</i>	<i>Ngày</i>	<i>Nội dung thay đổi</i>
36/UBCK-GPHĐKD	25/12/2006	Cấp phép lần đầu
67/UBCK-GP	24/08/2007	Thay đổi vốn điều lệ từ 43,000,000,000 VND lên 86,000,000,000 VND
92/UBCK-GPĐCCTCK	05/12/2007	Thay đổi vốn điều lệ từ 86,000,000,000 VND lên 430,000,000,000 VND
115/GPĐC-UBCK	03/12/2012	Thay đổi địa chỉ trụ sở chính
38/GPĐC-UBCK	27/08/2015	Thay đổi vốn điều lệ từ 430,000,000,000 VND lên 476,438,880,000 VND
32/GPĐC-UBCK	05/09/2016	Thay đổi vốn điều lệ từ 476,438,880,000 VND lên 520,005,060,000 VND
44/GPĐC-UBCK	12/12/2016	Thay đổi vốn điều lệ từ 520,005,060,000 VND lên 534,295,060,000 VND

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, các hoạt động tự doanh chứng khoán, cung cấp dịch vụ tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại số 22 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội và một chi nhánh (Chi nhánh Hồ Chí Minh) tại ngày 30 tháng 6 năm 2017,

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

Quy mô vốn

Theo báo cáo tình hình tài chính riêng, tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, tổng vốn điều lệ của Công ty là 534,295,060,000 VND, vốn chủ sở hữu là 710,279,992,242 VND và tổng tài sản là 1,760,379,357,691 VND.

Mục tiêu đầu tư

Là công ty chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam với hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, Công ty hoạt động với mục tiêu là đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán, đem lại lợi ích cho khách hàng, các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 44, Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán và Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 1 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Nguyễn Trung Hà	Chủ tịch	Ngày 01 tháng 04 năm 2014
Bà Đinh Thị Hoa	Phó Chủ tịch	Ngày 01 tháng 04 năm 2014
Ông Nguyễn Nam Sơn	Thành viên	Ngày 01 tháng 04 năm 2014
Bà Nguyễn Thanh Thảo	Thành viên	Ngày 01 tháng 04 năm 2014
Ông Phạm Ngọc Quỳnh	Thành viên	Ngày 01 tháng 04 năm 2014
Bà Bùi Thị Kim Oanh	Thành viên	Ngày 01 tháng 04 năm 2014
Ông Phan Thanh Diện	Thành viên	Ngày 01 tháng 04 năm 2014

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Đỗ Việt Hùng	Trưởng ban	Ngày 01 tháng 04 năm 2014
Bà Trần Thị Hồng Nhung	Thành viên	Ngày 01 tháng 04 năm 2014
Bà Văn Thị Lan Hương	Thành viên	Ngày 01 tháng 04 năm 2014

TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho đến ngày lập báo cáo tài chính riêng này là bà Nguyễn Thanh Thảo, bổ nhiệm ngày 08 tháng 03 năm 2013,

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2017 và cho đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này là ông Nguyễn Trung Hà, Chủ tịch Hội đồng Quản trị,

Bà Nguyễn Thanh Thảo được ông Nguyễn Trung Hà ủy quyền ký báo cáo tài chính riêng kèm theo cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 theo giấy ủy quyền số 03-13/UQ-HĐQT ngày 5 tháng 4 năm 2013,

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt ("Công ty") trình bày báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ báo cáo quý 2 năm 2017 thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017,

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng kỳ kế toán của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động riêng, tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng và tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng của Công ty trong trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Giám đốc cần phải:

- › lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- › thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- › nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- › lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được đăng ký. Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 kèm theo,

CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động riêng, tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng và tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng cho kỳ kế toán quý 2 năm 2017 kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính,



Bà Nguyễn Thanh Thảo
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 20 tháng 7 năm 2017

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG
ngày 30 tháng 6 năm 2017

B01-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ (Trình bày lại) VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1,706,623,636,953	1,305,871,510,869
110	I. Tài sản tài chính		1,705,187,004,482	1,287,366,214,029
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	29,283,173,225	14,990,614,121
111.1	a. Tiền		29,283,173,225	14,990,614,121
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	6.1	307,384,644,112	312,488,411,722
113	3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6.3	1,144,650,000,000	749,500,000,000
114	4. Các khoản cho vay	6.4	115,843,147,143	90,999,383,698
115	5. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	6.2	48,466,258,872	48,466,258,872
116	6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	6.5	(2,268,538,718)	(2,929,837,651)
117	7. Các khoản phải thu	7	40,501,826,113	41,203,543,354
117.1	a. Phải thu bán các tài sản tài chính		3,569,315,000	19,552,500,000
117.2	b. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		36,932,511,113	21,651,043,354
117.4	- Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		36,932,511,113	21,651,043,354
118	8. Trả trước cho người bán	8	20,990,066,235	20,988,268,026
119	9. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		182,680,677	142,506,697
122	10. Các khoản phải thu khác	9	153,846,824	11,517,065,190
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		1,436,632,471	18,505,296,840
131	1. Tạm ứng		278,538,462	8,538,462
133	2. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	1,158,094,009	675,838,378
134	3. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	13	-	17,820,920,000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		53,755,720,738	53,871,995,429
210	I. Tài sản tài chính dài hạn		36,704,000,000	36,704,000,000
212	1. Các khoản đầu tư	6.6	36,704,000,000	36,704,000,000
212.2	a. Đầu tư vào công ty con		36,704,000,000	36,704,000,000
220	II. Tài sản cố định		8,654,899,031	8,681,246,176
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	4,452,197,961	3,910,790,106
222	a. Nguyên giá		18,531,355,235	18,056,362,035
223a	b. Giá trị hao mòn lũy kế		(14,079,157,274)	(14,145,571,929)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	4,202,701,070	4,770,456,070
228	a. Nguyên giá		12,053,276,309	12,053,276,309
229a	b. Giá trị hao mòn lũy kế		(7,850,575,239)	(7,282,820,239)
240	III. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	-
250	IV. Tài sản dài hạn khác		8,396,821,707	8,486,749,253
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	13	1,057,205,500	1,057,258,000
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	10	682,593,364	899,328,257
253	3. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	14	2,618,258,460	2,618,258,460
254	4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	15	4,038,764,383	3,911,904,536
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1,760,379,357,691	1,359,743,506,298

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2017

B01-GTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ (Trình bày lại) VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1,050,099,365,449	753,362,896,164
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		1,050,099,365,449	753,362,896,164
311	1. Vay ngắn hạn	18	1,023,594,500,000	636,533,000,000
318	2. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	16	233,497,800	236,385,079
320	3. Phải trả người bán ngắn hạn	17	6,008,173,534	56,857,460,976
321	4. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	20	-	39,700,852,000
322	5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	12,177,546,878	10,860,348,358
323	6. Phải trả người lao động		11,267,623	4,905,862,165
324	7. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		17,054,920	-
325	8. Chi phí phải trả ngắn hạn	21	1,534,463,044	817,985,574
329	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	22	1,299,457,676	1,306,126,676
331	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	23	5,223,403,974	2,145,075,336
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		710,279,992,242	606,380,610,134
410	I. Vốn chủ sở hữu		710,279,992,242	606,380,610,134
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		501,653,250,800	501,653,250,800
411.1	a. Vốn góp của chủ sở hữu		534,295,060,000	534,295,060,000
411.1a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		534,295,060,000	534,295,060,000
411.2	b. Thặng dư vốn cổ phần		1,089,741,383	1,089,741,383
411.5	c. Cổ phiếu quỹ		(33,731,550,583)	(33,731,550,583)
414	2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		11,347,490,206	11,347,490,206
415	3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		24,415,890,206	24,415,890,206
417	4. Lợi nhuận chưa phân phối	24.2	172,863,361,030	68,963,978,922
417.1	a. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		130,996,547,306	68,963,978,922
417.2	b. Lợi nhuận chưa thực hiện		41,866,813,724	
440	TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		1,760,379,357,691	1,359,743,506,298

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2017

B01-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ (Trình bày tại) VND
	A, TÀI SẢN CỦA CÔNG TY VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
004	1. Nợ khó đòi đã xử lý	25,1	46,189,912,474	46,189,912,474
005	2. Ngoại tệ các loại	25,2	676,357,874	7,138,430,798
006	3. Cổ phiếu đang lưu hành (*)	25,3	49,358,756	49,358,756
007	4. Cổ phiếu quỹ (*)	25,4	4,070,750	4,070,750
008	5. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán của Công ty	25,5	191,155,350,000	148,980,750,000
009	6. Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch của Công ty	25,6	1,328,310,000	22,430,000
010	7. Tài sản tài chính chờ về của Công ty		284,000,000	5,000,000,000
012	8. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán của Công ty	25,7	9,198,700,000	54,708,700,000
013	9. Tài sản tài chính được hưởng quyền của CTCK		5,376,000,000	-

(*) Số dư các tài khoản này thể hiện số lượng chứng khoán.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2017

B01-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ (Trình bày lại)
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán của Nhà đầu tư (*)	25,8	89,732,944	89,925,093
021,1	a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		79,717,751	80,963,670
021,2	b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		323,050	3,828
021,3	c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		7,920,000	7,920,000
021,4	d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		636,985	636,985
021,5	e. Tài sản tài chính chờ thanh toán		1,135,158	400,610
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch của Nhà đầu tư (*)	25,9	1,584,054	1,490,606
022,1	a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		1,584,054	1,490,606
023	3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư (*)	25,10	945,880	932,571

(*) Số dư các tài khoản này thể hiện số lượng chứng khoán.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt


BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2017

B01-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ (Trình bày lại) VND
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (tiếp theo)			
026	4. Tiền gửi của khách hàng	25.11	122,392,357,846	59,764,940,474
027	a. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		122,386,250,627	59,758,999,483
029	b. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		6,107,219	5,940,991
029,1	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước		5,699,199	5,534,760
029,2	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài		408,020	406,231
031	5. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	25.12	122,392,357,846	59,784,940,474
031,1	a. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		116,865,209,201	59,138,158,303
031,2	b. Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		5,527,148,645	626,782,171
035	6. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	25.13	1,284,098,375	1,290,767,375


Bà Nguyễn Thị Vân
Người lập


Ông Lê Quang Tiến
Kế toán Trưởng



Bà Nguyễn Thanh Thảo
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 20 tháng 7 năm 2017

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG (liếp theo)

cho kỳ báo cáo quý 2 năm 2017 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

B02-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 2 năm 2017 VND	Quý 2 năm 2016 VND	Lũy kế từ đầu năm đến 30/6/2017	Lũy kế từ đầu năm đến 30/6/2016
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG						
01	Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		62,271,591,022	21,588,007,336	133,316,199,066	45,043,436,268
01.1	a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	26.1	25,600,669,052	12,168,515,960	43,404,847,941	25,409,398,137
01.2	b. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	26.2	31,733,156,570	3,448,206,886	82,913,835,275	11,940,966,841
01.3	c. Có lãi, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	26.3	4,937,565,400	5,971,284,490	6,997,515,850	7,693,071,290
02	Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	26.3	18,067,648,332	6,007,543,886	33,203,179,446	10,043,840,552
03	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	26.3	2,712,068,958	1,648,849,248	5,459,021,891	3,172,946,269
06	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	26.4	2,418,952,286	1,900,499,159	4,079,985,424	3,466,839,102
09	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	26.4	111,830,144	94,036,973	223,991,613	191,791,346
10	Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	26.4	-	-	-	11,105,000,000
11	Thu nhập từ hoạt động khác	26.4	-	-	-	-
20	Cộng doanh thu hoạt động		85,602,090,742	31,238,936,602	176,282,377,440	73,023,853,537
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG						
21	Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		(8,721,528,273)	(6,239,125,273)	(59,551,690,046)	(14,725,629,757)
21.1	a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	26.1	(1,654,246,985)	(3,594,754,285)	(18,362,569,010)	(4,034,040,783)
21.2	b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	26.2	(7,023,544,490)	(2,595,864,751)	(41,047,021,551)	(10,632,309,898)
21.3	c. Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL		(43,736,798)	(48,506,237)	(142,099,485)	(59,279,086)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

B02-CTCK

BAO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG (liếp theo)
cho kỳ báo cáo quý 2 năm 2017 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Mã số	CHI TIẾT	Thuyết minh	Quý 2 năm 2017 VND	Quý 2 năm 2016 VND	Lũy kế từ đầu năm đến 30/6/2017	Lũy kế từ đầu năm đến 30/6/2016
24	2. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay		(1,639,487,638) (1,767,799,156)	(1,382,952,372) (1,352,728,343)	39,128,301,771 (3,449,057,747)	(2,217,439,400) (2,984,495,131)
26	3. Chi phí hoạt động tự doanh	28	(2,784,823,912)	(2,458,491,603)	(5,155,963,868)	(4,717,196,994)
27	4. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán					
29	5. Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	28	(110,966,129)	(93,828,223)	(222,865,248)	(191,475,746)
30	6. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	28	(2,707,173,201)	(1,403,869,168)	(4,211,267,171)	(2,904,719,632)
31	7. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	28	(19,100,115)	(13,041,644)	(32,518,110)	(26,871,066)
32	8. Chi phí các dịch vụ khác					
40	Cộng chi phí hoạt động		(17,750,878,425)	(12,944,036,625)	(33,495,060,419)	(27,767,827,736)
	DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH					
41	Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		-	-	4,103,731	-
42	Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không có định		6,398,105,858	887,779,072	6,701,767,489	1,565,557,510
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính	27	6,398,105,858	887,779,072	6,705,871,220	1,565,557,510
	CHI PHÍ TÀI CHÍNH					
51	Chênh lệch tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		(12,184,640)	(98,586,153)	(15,960,420)	(100,688,379)
52	2. Chi phí lãi vay		(12,331,995,173)	(3,762,077,994)	(22,075,264,379)	(4,168,673,575)
60	Cộng chi phí tài chính	29	(12,344,179,813)	(3,860,664,147)	(22,091,224,799)	(4,269,361,954)
62	CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOẢN	31	(4,368,125,241)	(3,808,557,990)	(8,401,386,114)	(7,663,502,340)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

B02-CTCK

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG (tiếp theo)
cho kỳ báo cáo quý 2 năm 2017 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 1 năm 2017 VND	Quý 1 năm 2016 VND	Lũy kế từ đầu năm đến 30/6/2017	Lũy kế từ đầu năm đến 30/6/2016
70	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		57,537,013,122	11,513,456,911	119,000,577,328	34,888,719,017
71	III. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC					
72	1. Thu nhập khác		1,188,204,339	1	1,188,327,939	3
	2. Chi phí khác		(232,849,226)	-	(232,849,227)	(3)
80	Cộng kết quả hoạt động khác	30	955,355,113	1	955,478,712	-
90	IV. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		58,492,368,235	11,513,456,912	119,956,056,040	34,888,719,017
91	1. Lợi nhuận đã thực hiện		33,782,756,155	11,513,456,912	78,089,242,316	34,888,719,017
92	2. Lợi nhuận chưa thực hiện		24,709,612,080	-	41,866,813,724	-
100	V. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN)	32	(4,529,038,152)	(1,108,434,476)	(12,978,345,293)	(5,439,129,545)
100.1	1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	32.1	(4,529,038,152)	(1,108,434,476)	(12,978,345,293)	(5,439,129,545)
100.2	2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	32.3	-	-	-	-
200	VI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		53,963,330,083	10,405,022,436	106,977,710,747	29,449,589,472
300	THU NHẬP TOÀN DIỆN RIÊNG KHÁC SAU THUẾ TNDN		-	-	-	-
400	Tổng thu nhập toàn diện riêng		53,963,330,083	10,405,022,436	106,977,710,747	29,449,589,472

Hà Nội, Ngày 20 tháng 7 năm 2017.

Bà Nguyễn Thị Vân.
Người lập

Ông Lê Quang Tiến
Kế toán trưởng



Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

B03b-CTCK

cho kỳ báo cáo quý 2 năm 2017 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Lưu kế từ đầu năm đến 30/6/2017 VND	Lưu kế từ đầu năm đến 30/6/2016 (trình bày lại) VND
	I, LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1, Lợi nhuận trước Thuế TNDN		119,956,056,040	34,888,719,017
02	2, Điều chỉnh cho các khoản		(20,675,982,822)	(6,056,133,636)
03	- Khấu hao TSCĐ		1,142,482,845	983,806,140
04	- Các khoản dự phòng		(661,198,933)	(845,002,520)
06	- Chi phí lãi vay	29	22,075,264,379	4,168,873,575
07	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(8,300,000,000)	-
08	- Dự thu tiền lãi		(36,932,511,113)	(10,363,610,831)
10	3, Tăng các chi phí phi tiền tệ		41,047,021,551	-
11	- Lỗi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		41,047,021,551	-
13	- Lỗi suy giảm giá trị các khoản cho vay		-	-
18	4, Giảm các doanh thu phi tiền tệ		(82,913,835,275)	-
19	- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		(82,913,835,275)	-
30	5, (Lợi nhuận)/chi phí từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(435,359,415,690)	(371,346,658,838)
31	- Tăng tài sản tài chính FVTPL		46,970,581,334	22,841,724,915
32	- (Tăng)/giảm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)		(395,150,000,000)	(244,500,000,000)
33	- (Tăng)/giảm các khoản cho vay		(24,843,763,445)	(21,606,927,096)
34	- Tăng tài sản sẵn tài chính sẵn sàng để bán AFS		-	(36,408,000,000)
35	- Tăng phải thu bán các tài sản tài chính		15,983,185,000	(54,584,966,000)
36	- Giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		21,651,043,354	293,392,500
37	- Giảm các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp		(40,173,980)	4,806,558,267
39	- (Tăng)/giảm các khoản phải thu khác		11,361,420,157	(20,933,467,833)
40	- (Tăng)/giảm các tài sản khác		(396,859,847)	(130,547,632)
41	- Tăng chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		(182,839,518)	120,000,000
42	- Giảm chi phí trả trước		(265,520,738)	(690,234,946)
43	- Thuế TNDN đã nộp	19	(9,521,141,430)	(11,362,900,832)
44	- Lãi vay đã trả		(21,175,947,391)	(3,870,535,145)
45	- Tăng/(giảm) phải trả cho người bán		(90,550,139,442)	6,422,918,150
46	- Tăng (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		17,054,920	-
47	- (Giảm)/tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)		(2,140,005,344)	(3,894,003,059)
48	- (Giảm)/tăng phải trả người lao động		(4,894,394,542)	(8,309,389,143)
50	- Giảm phải trả, phải nộp khác		(2,887,278)	459,718,816
51	- Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh		17,820,972,500	-
60	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động kinh doanh		(377,946,156,196)	(342,514,073,457)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho kỳ báo cáo quý 2 năm 2017 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

B03b-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Lưu kế từ đầu năm đến 30/6/2017 VND	Lưu kế từ đầu năm đến 30/6/2016 (trình bày lại) VND
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
61	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	11,12	(1,116,115,700)	(1,159,840,000)
62	2. Thu tiền từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		100,000,000	-
65	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính chính dài hạn		6,200,000,000	-
70	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		5,183,884,300	(1,159,840,000)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
71	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	2,989,381,000
73	2. Tiền vay gốc	18	2,473,834,674,115	605,870,029,460
73,2	a. Tiền vay khác		2,473,834,674,115	605,870,029,460
74	3. Tiền chi trả nợ gốc vay	18	(2,086,773,174,115)	(243,930,029,460)
74,3	a. Tiền chi trả gốc vay khác		(2,086,773,174,115)	(243,930,029,460)
76	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(6,669,000)	(43,362,144,900)
80	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính		387,054,831,000	321,367,236,100
90	(GIẢM)/TĂNG TIỀN THUẦN TRONG NĂM		14,292,559,104	(22,306,677,357)
101	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	4	14,990,614,121	35,319,586,488
101,1	Tiền		14,990,614,121	35,319,586,488
103	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	4	29,283,173,225	13,012,909,131
103,1	Tiền		29,283,173,225	13,012,909,131


Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho kỳ báo cáo quý 2 năm 2017 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017


B03b-CTCK

PHÂN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước (trình bày lại) VND
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		292,071,091,200	261,046,252,600
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(251,577,769,400)	(191,935,302,400)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		579,208,916,191	413,849,373,547
08	4. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(587,801,111,334)	(493,925,174,308)
11	5. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(199,683,432)	(190,254,318)
14	6. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		31,404,925,147	47,881,349,357
15	7. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(378,951,000)	(6,042,960,000)
20	(Giảm)/tăng tiền thuần trong năm		62,627,417,372	30,683,284,478
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	25,11	59,764,940,474	71,806,955,023
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		59,764,940,474	71,806,955,023
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		59,758,999,483	71,799,002,094
33	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		5,940,991	7,952,929
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng	25,11	122,392,357,846	102,490,239,501
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		122,392,357,846	102,490,239,501
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		122,386,250,627	99,793,252,050
43	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		6,107,219	2,696,987,451


Bà Nguyễn Thị Văn
Người lập


Ông Lê Quang Tiến
Kế toán Trưởng


Bà Nguyễn Thanh Thảo
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 20 tháng 7 năm 2017

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO TÍNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU RIÊNG
cho kỳ báo cáo quý 2 năm 2017 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

B04-CTCK

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số đầu kỳ		Số tăng/giảm		Số cuối kỳ	
		Ngày 01/1/2016		Ngày 30/6/2016		Ngày 30/6/2017	
		VND	VND	Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND
I. BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU							
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	24.1	476,438,880,000	534,295,060,000	-	-	476,438,880,000	534,295,060,000
2. Thặng dư vốn cổ phần		-	1,089,741,383	-	-	1,089,741,383	1,089,741,383
3. Cổ phiếu quỹ		(35,631,190,200)	(33,731,550,583)	1,899,639,617	-	(33,731,550,583)	(33,731,550,583)
4. Quỹ dự trữ vốn điều lệ	24.1	21,337,561,568	11,347,490,206	-	-	21,337,561,568	11,347,490,206
5. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		21,337,561,568	24,415,890,206	-	-	21,337,561,568	24,415,890,206
6. Lợi nhuận chưa phân phối	24.2	92,178,157,948	68,963,978,922	29,449,389,472	(43,573,138,000)	78,054,609,420	172,863,361,020
TỔNG CỘNG		575,660,970,884	606,380,610,134	30,539,330,855	(41,673,498,383)	564,526,803,356	710,279,992,242



Bà Nguyễn Thị Vân
Người lập



Ông Lê Quang Tiến
Kế toán Trưởng



Bà Nguyễn Thanh Thảo
Trưởng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 20 tháng 7 năm 2017

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

B09-CTCK

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ báo cáo quý 2 năm 2017 kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103014996 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 13 tháng 12 năm 2006, Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 38/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp tại ngày 25 tháng 12 năm 2006 và các văn bản sửa đổi khác,

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh số

<i>Ngày</i>	<i>Nội dung thay đổi</i>	
36/UBCK-GPHĐKD	25/12/2006	Cấp phép lần đầu Thay đổi vốn điều lệ từ 43,000,000,000 VND lên 86,000,000,000 VND
67/UBCK-GP	24/08/2007	Thay đổi vốn điều lệ từ 86,000,000,000 VND lên 430,000,000,000 VND
92/UBCK-GPĐCCTCK 115/GPĐC-UBCK	05/12/2007 03/12/2012	Thay đổi địa chỉ trụ sở chính Thay đổi vốn điều lệ từ 430,000,000,000 VND lên 476,438,880,000 VND
38/GPĐC-UBCK	27/08/2015	Thay đổi vốn điều lệ từ 476,438,880,000 VND lên 520,005,060,000 VND
32/GPĐC-UBCK	05/09/2016	Thay đổi vốn điều lệ từ 520,005,060,000 VND lên 534,295,060,000 VND
44/GPĐC-UBCK	12/12/2016	

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, các hoạt động tự doanh chứng khoán, cung cấp dịch vụ tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại số 22 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội và một chi nhánh (Chi nhánh Hồ Chí Minh) tại ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là: 62 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 60 người).

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

Quy mô vốn

Theo báo cáo tình hình tài chính riêng, tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, tổng vốn điều lệ của Công ty là 534,295,060,000 VND, vốn chủ sở hữu là 710,279,992,242 VND và tổng tài sản là 1,760,379,357,691 VND.

Mục tiêu đầu tư

Là công ty chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam với hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán; bảo lãnh phát hành chứng khoán; tư vấn đầu tư chứng khoán, Công ty hoạt động với mục tiêu là đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán, đem lại lợi ích cho khách hàng, các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 44, Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán, Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC và các quy định hiện hành về hạn chế đầu tư. Một số khoản mục hạn chế đầu tư theo các quy định hiện hành như sau:

- ▶ Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ báo cáo quý 2 năm 2017 kết thúc cùng ngày

1, THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

- ▶ Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.
- ▶ Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu, Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được phép mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về mua bán lại trái phiếu chính phủ.
- ▶ Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác thực hiện các nghiệp vụ sau: Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng; Cung với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác; Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết; Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở; Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% trên tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư quá 70% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 20% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

Công ty có một công ty con là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt, là một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005793 ngày 26 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty được cấp giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ lần đầu số 15/UBCK-GPHĐQLQ ngày 26 tháng 12 năm 2006 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 21/GPĐC-UBCK ngày 1 tháng 9 năm 2015 bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty con có trụ sở tại lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, số 63A Võ Văn Tần, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty nắm 99,20% phần vốn chủ sở hữu và 99,20% quyền biểu quyết trong công ty con này (ngày 31 tháng 12 năm 2016, 99,20%).

2, CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập phù hợp với Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC, Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ báo cáo quý 2 năm 2017 kết thúc cùng ngày

2, CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng* (tiếp theo)

Theo đó, báo cáo kết quả hoạt động riêng, báo cáo tình hình tài chính riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không đánh cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thống lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ và biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thống lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam,

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung,

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12,

2.4 *Mục đích lập báo cáo tài chính riêng*

Công ty có công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1, Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12 để ngày 10 tháng 3 năm 2017,

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất của Công ty và công ty con,

2.5 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND,

3, TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh*

Ngày 30 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2014/TT-BTC hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán ("Thông tư 210"), Thông tư này thay thế Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán,

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ báo cáo quý 2 năm 2017 kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh (tiếp theo)

Thông tư này có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2016, Thông tư này đưa ra các quy định liên quan đến chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán cũng như phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán,

Ngày 27 tháng 12 năm 2016, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 334/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 334"),

Những thay đổi quan trọng do áp dụng Thông tư 210 và Thông tư 334 bao gồm:

- ▶ Thay đổi tên và hình thức các báo cáo tài chính: Bảng cân đối kế toán được đổi tên thành báo cáo tình hình tài chính, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được đổi tên thành báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động môi giới và vốn ủy thác của nhà đầu tư được trình bày riêng như một phần của các báo cáo tài chính cơ bản,
- ▶ Tài sản tài chính được phân thành bốn (4) loại là tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, tài sản tài chính sẵn sàng để bán, tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản cho vay,
- ▶ Quản lý tách biệt tài sản của công ty chứng khoán và của nhà đầu tư trên các khoản mục tiền gửi, chứng khoán, các khoản phải trả,

Ngoài ra, Thông tư 210 và Thông tư 334 cũng hướng dẫn việc đo lường các tài sản tài chính, theo đó tất cả các tài sản tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được xác định giá trị sau ghi nhận ban đầu như sau:

- ▶ Tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ (FVTPL): được ghi nhận theo giá gốc, Trường hợp ghi nhận theo giá trị thị trường phải tuân thủ quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành, Mọi khoản lãi hoặc lỗ phát sinh từ việc thay đổi giá trị của các tài sản tài chính này được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động,
- ▶ Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS): được ghi nhận theo giá trị hợp lý, Mọi khoản lãi hoặc lỗ phát sinh từ một tài sản tài chính AFS khi đánh giá theo giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu (Thu nhập toán diện khác), thông qua việc ghi nhận trên Báo cáo biến động vốn chủ sở hữu, ngoại trừ các khoản lỗ do suy giảm giá trị tài sản tài chính AFS,
- ▶ Các tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM): được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực,
- ▶ Các khoản cho vay: được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực,

Thông tư 210 và Thông tư 334 được áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2016,

Công ty cũng đã trình bày lại dữ liệu tương ứng của năm trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 210 và Thông tư 334 trong báo cáo tài chính riêng năm nay như đã trình bày tại Thuyết minh số 33,6,

3.2 Các chính sách kế toán đã ban hành

Ngày 20 tháng 11 năm 2015, Quốc hội đã thông qua Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ("Luật Kế toán mới"), Luật Kế toán mới bổ sung thêm quy định về chứng từ điện tử, đồng thời đưa ra quy định về việc áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý đối với một số loại tài sản và nợ phải trả mà giá trị của chúng biến động thường xuyên theo giá thị trường và có thể xác định một cách đáng tin cậy, Luật Kế toán mới có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2017,

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ báo cáo quý 2 năm 2017 kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính riêng.

3.4 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - ▶ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - ▶ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - ▶ Công cụ tài chính phải sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phải sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:
 - ▶ Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau,
 - ▶ Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty chứng khoán.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau ghi nhận ban đầu các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận được ghi nhận theo giá thị trường, mọi khoản lãi/lỗ phát sinh từ việc thay đổi giá trị các tài sản tài chính này được phân loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị thông qua lãi/lỗ và được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động.

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động riêng ngay khi phát sinh.

3.5 Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phải sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này như phí môi giới, phí giao dịch, phí đại lý phát hành và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ báo cáo quý 2 năm 2017 kết thúc cùng ngày

3, TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3,5 Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM) (tiếp theo)

Giá trị phân bổ của tài sản tài chính HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Phương pháp lãi suất thực là một phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các tài sản tài chính HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

3,6 Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mã tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

3,7 Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và phải thu;
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
- Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ.

Các tài sản tài chính AFS được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này. Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính AFS được ghi nhận theo giá gốc do Luật kế toán hiện hành chưa cho phép áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ báo cáo quý 2 năm 2017 kết thúc cùng ngày

3, TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3,8 Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính

Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính riêng.

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các tài sản tài chính có thể chuyển nhượng được trên thị trường tại ngày kết thúc năm tài chính tương ứng với chênh lệch giữa giá trị sổ sách và giá trị thực tế trên thị trường tại ngày có giao dịch gần nhất nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 148/2014/TT-BTC và Thông tư số 228/2009/TT-BTC. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động riêng trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

Giá trị thị trường/hợp lý của chứng khoán được xác định theo các cơ sở sau:

- ▶ Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán,
- ▶ Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán,
- ▶ Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính gần nhất,
- ▶ Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá giá trị chứng khoán,
- ▶ Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá giá trị hợp lý dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá giá trị chứng khoán,

Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phân chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó.

3,9 Ngừng ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- ▶ Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- ▶ Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
 - Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản, hoặc
 - Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản,

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ báo cáo quý 2 năm 2017 kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 *Ngừng ghi nhận tài sản tài chính* (tiếp theo)

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phân ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Việc tiếp tục tham gia mà có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

3.10 *Phân loại lại tài sản tài chính*

Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL

Công ty chứng khoán khi bán các tài sản tài chính không thuộc loại tài sản tài chính FVTPL phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các loại tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS hiện đang theo dõi trên khoản mục "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý" sẽ được ghi nhận vào tài khoản doanh thu hoặc chi phí tương ứng tại ngày phân loại lại các tài sản tài chính AFS khi bán.

Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ

Công ty chứng khoán được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.

Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động riêng - Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý.

3.11 *Các khoản đầu tư tài sản tài chính dài hạn*

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con được ghi nhận theo phương pháp giá gốc trên báo cáo tình hình tài chính riêng của Công ty. Cổ tức được chia từ lợi nhuận sau thuế của các công ty con được ghi nhận là thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động riêng.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư vào công ty con được lập riêng cho từng khoản đầu tư có tổn thất, và được xem xét vào cuối kỳ kế toán. Công ty thực hiện trích lập dự phòng các khoản đầu tư vào công ty con nếu khoản đầu tư bị tổn thất do các công ty con bị lỗ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ báo cáo quý 2 năm 2017 kết thúc cùng ngày.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phân ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động riêng trên khoản mục "Chi phí quản lý công ty chứng khoán" trong năm.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

3.13 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động riêng.

3.14 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động riêng.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ báo cáo quý 2 năm 2017 kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao và hao mòn tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	3 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	2 - 5 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	3 năm
Phần mềm tin học	1 - 5 năm
Tài sản cố định vô hình khác	2 - 3 năm

3.16 *Thuê tài sản*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động riêng theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

3.17 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn để phân bổ dần từ ba (3) đến ba mươi sáu (36) tháng vào báo cáo kết quả hoạt động riêng:

- ▶ Chi phí cải tạo văn phòng;
- ▶ Chi phí thuê văn phòng; và
- ▶ Chi phí vật dụng văn phòng.

3.18 *Các khoản vay*

Các khoản vay được phát hành bởi Công ty được công bố và trình bày theo số dư gốc tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm.

3.19 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.20 *Lợi ích của nhân viên*

3.20.1 *Trợ cấp nghỉ hưu*

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty đóng góp vào trợ cấp hưu trí này bằng việc đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 18% lương cơ bản và phụ cấp hàng tháng của họ. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác về trợ cấp nghỉ hưu của nhân viên, ngoài nghĩa vụ đóng tiền cho Bảo hiểm Xã hội hàng tháng.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ báo cáo quý 2 năm 2017 kết thúc cùng ngày

3, TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Lợi ích của nhân viên (tiếp theo)

3.20.2 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo quy định hiện hành, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

3.21 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

- Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động riêng.

3.22 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.23 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ báo cáo quý 2 năm 2017 kết thúc cùng ngày

3, TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3,23 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định ("TSCĐ"), nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí năm trước; khoản nợ phải trả này mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

3,24 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu.

3,25 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho/hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ báo cáo quý 2 năm 2017 kết thúc cùng ngày

3, TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3,25 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3,26 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ báo cáo quý 2 năm 2017 kết thúc cùng ngày

3, TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3,26 *Vốn chủ sở hữu* (tiếp theo)

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo lãi lỗ của báo cáo kết quả hoạt động riêng thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty chứng khoán,

Lợi nhuận đã thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào báo cáo kết quả hoạt động riêng của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện,

Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

	<i>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</i>	<i>Mức trích lập tối đa</i>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên toàn Công ty,

3,27 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được phê duyệt tại Cuộc họp thường niên toàn Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam,

3,28 *Các khoản mục không có số dư*

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính riêng này theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư,

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ báo cáo quý 2 năm 2017 kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền mặt tại quỹ	129,828,690	41,899,691
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	29,153,344,535	14,948,714,430
	29,283,173,225	14,990,614,121

5. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG KỲ

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ (đơn vị)	Giá trị giao dịch thực hiện trong kỳ (VND)
a. Của Công ty	44,648,330	3,916,782,720,000
- Cổ phiếu	10,148,330	275,034,720,000
- Trái phiếu	34,500,000	3,641,748,000,000
b. Của nhà đầu tư	128,198,897	2,011,754,810,500
- Cổ phiếu	128,151,007	2,011,156,642,300
- Chứng khoán khác	47,890	598,168,200
	172,847,227	5,928,537,530,500

6. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

6.1 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Giá trị thị trường VND	Giá trị gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết	265,605,989,898	307,381,333,112	281,609,215,751	268,997,923,084
FPT	37,846,165,525	51,161,792,900	19,086,311,158	23,672,836,000
PNJ	17,207,522,400	24,636,007,200	8,027,494,400	7,806,036,000
MSN	16,603,437,000	15,859,830,000	10,029,187,000	9,616,968,000
CEO	17,852,963,332	18,547,200,000	8,857,812,533	9,472,500,000
FCN	18,000,555,986	23,229,680,000	24,274,794,676	21,454,839,000
VJC	11,555,630,000	11,372,052,000	0	0
CII	11,599,579,714	16,443,032,400	24,254,348,591	26,269,917,800
VIC	10,624,671,030	10,034,628,100	71,030	126,000
TRC	7,713,847,713	5,635,819,000	15,366,808,000	10,464,332,500
PLX	7,402,000,000	7,245,000,000	0	0
MBB	8,154,400,000	6,743,520,000	0	28,000,000
VTO	5,922,061,781	4,386,051,170	5,922,061,781	4,788,055,860
Cổ phiếu khác	96,923,155,417	112,086,720,342	165,790,526,582	155,424,311,924
Cổ phiếu chưa niêm yết	11,840,490	3,311,000	21,841,147,348	7,176,746,050
SHG	-	-	21,829,306,858	7,174,160,000
Cổ phiếu khác	11,840,490	3,311,000	11,840,490	3,133,200
Trái phiếu niêm yết	-	-	50,791,500,000	50,791,500,000
	265,617,830,388	307,384,644,112	354,241,863,098	312,488,411,722

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ báo cáo quý 2 năm 2017 kết thúc cùng ngày

6, CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6,2 Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
- NHTM CP Tiên Phong	36,408,000,000	36,408,000,000	36,408,000,000	36,408,000,000
- CTCP Dịch vụ Di Động Trực Tuyến	9,058,258,872	9,058,258,872	9,058,258,872	9,058,258,872
- CTCP Viễn Thông Tinh Vân	3,000,000,000	1,311,520,000	3,000,000,000	1,311,520,000
	48,466,258,872	46,777,778,872	48,466,258,872	46,777,778,872

6,3 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
- Tiền gửi có kỳ hạn tại NH BIDV	894,650,000,000	894,650,000,000	749,500,000,000	749,500,000,000
- Tiền gửi có kỳ hạn tại NH ACB	250,000,000,000	250,000,000,000	-	-
	1,144,650,000,000	1,144,650,000,000	749,500,000,000	749,500,000,000

Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng bằng VND, có kỳ hạn gốc từ 12 tháng đến 13 tháng (31/12/2016: kỳ hạn gốc 13 tháng).

Công ty có sử dụng một số khoản tiền gửi kỳ hạn là 1,005,821 triệu đồng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (31/12/2016: 858,997 triệu đồng).

6,4 Các khoản cho vay

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cho vay hoạt động kỳ quỹ	109,388,746,236	108,808,587,518	88,740,016,473	87,498,658,822
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán	6,454,400,907	6,454,400,907	2,259,367,225	2,259,367,225
	115,843,147,143	115,262,988,425	90,999,383,698	89,758,026,047

6,5 Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Các khoản cho vay và phải thu	580,158,718	1,241,357,651
Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	1,688,480,000	1,688,480,000
	2,268,638,718	2,929,837,651

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ báo cáo quý 2 năm 2017 kết thúc cùng ngày

6. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6.5 Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính (tiếp theo)

Chi tiết các TSTC hạch toán theo phương pháp giá gốc và dự phòng giảm giá các TSTC từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 như sau:

STT	Loại TSTC	Cơ sở lập dự phòng kỳ này					
		Số lượng Cổ phiếu	Giá số sách kế toán VND	Giá trị hợp lý tại thời điểm lập BCTC VND	Giá trị lập dự phòng kỳ này VND	Giá trị lập dự phòng đầu kỳ VND	Mức trích lập kỳ này VND
I	HTM		1,144,650,000,000	1,144,650,000,000	-	-	-
	Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng		1,144,650,000,000	1,144,650,000,000	-	-	-
II	Cho vay		115,843,147,143	115,262,988,425	(580,158,718)	(1,241,357,651)	661,198,933
	Cho vay kỳ quý Ứng trước		109,388,746,236	108,808,587,518	(580,158,718)	(1,241,357,651)	661,198,933
			6,454,400,907	6,454,400,907	-	-	-
III	AFS (cổ phiếu)		48,466,258,872	46,777,778,872	(1,688,480,000)	(1,688,480,000)	-
	NHTM CP Tiên Phong		36,408,000,000	36,408,000,000	-	-	-
	CTCP Dịch vụ Di Động Trục Tuyến		9,058,258,872	9,058,258,872	-	-	-
	CTCP Viễn Thông Tinh Vân		3,000,000,000	1,311,520,000	(1,688,480,000)	(1,688,480,000)	-
			1,308,959,406,015	1,306,690,767,297	(2,268,638,718)	(2,929,837,651)	661,198,933

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ báo cáo quý 2 năm 2017 kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

6. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6.6 Các khoản đầu tư tài sản tài chính dài hạn

CHỈ TIÊU	Số lượng	Giá trị theo số kế toán (VND)	Số với giá trị trường (VND)		Tổng giá trị theo giá thị trường (VND)	
			Số cuối kỳ	Số đầu kỳ		
						Giảm
			Cuối kỳ	Đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
1. Đầu tư góp vốn						
Đầu tư vào công ty con						
- Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt	2,480,000	2,480,000	-	-	36,704,000,000	36,704,000,000

Đây là khoản đầu tư vào 99,20% phần vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt, là một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005793 ngày 26 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty được cấp giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ lần đầu số 15/UBCK-GPHĐQLQ ngày 28 tháng 12 năm 2006 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 21/GPĐC-UBCK ngày 1 tháng 9 năm 2015 bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ báo cáo quý 2 năm 2017 kết thúc cùng ngày

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	<i>Số cuối kỳ VND</i>	<i>Số đầu kỳ VND</i>
Các khoản phải thu thanh toán bù trừ T+2	3,569,315,000	19,552,500,000
- <i>Cổ phiếu niêm yết</i>	3,569,315,000	19,552,500,000
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	36,932,511,113	21,651,043,354
- <i>Cổ tức</i>	1,095,090,000	798,587,800
- <i>Lãi dự thu</i>	35,837,421,113	20,852,455,554
	40,501,826,113	41,203,543,354

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<i>Số cuối kỳ VND</i>	<i>Số đầu kỳ VND</i>
Tạm ứng mua chứng chỉ quỹ Đầu tư Tăng trưởng TVAM	20,686,820,000	20,686,820,000
Tạm ứng khác	303,246,235	301,448,026
	20,990,066,235	20,988,268,026

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<i>Số cuối kỳ VND</i>	<i>Số đầu kỳ VND</i>
Phải thu Công ty Cổ phần Thương mại Nguyễn Kim	-	11,472,550,000
Các khoản phải thu khác	153,846,824	44,515,190
	153,846,824	11,517,065,190

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>Số cuối kỳ VND</i>	<i>Số đầu kỳ VND</i>
Chi phí trả trước ngắn hạn	1,158,094,009	675,838,378
- <i>Phí bảo trì hệ thống</i>	294,120,128	256,398,370
- <i>Tiền thuê văn phòng</i>	161,201,160	140,616,000
- <i>Phí bảo hiểm</i>	44,835,000	13,262,125
- <i>Phí dịch vụ khác</i>	657,937,721	265,561,883
Chi phí trả trước dài hạn	682,593,364	899,328,257
- <i>Chi phí trả trước mua thiết bị tin học</i>	582,204,051	656,072,241
- <i>Chi phí trả trước mua công cụ, dụng cụ</i>	100,389,313	243,256,016
	1,840,687,373	1,575,166,635

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ báo cáo quý 2 năm 2017 kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	TSCĐ hình khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Ngày 01 tháng 01 năm 2017	1,491,567,770	14,867,734,885	1,494,462,500	202,596,880	18,056,362,035
Mua trong năm	-	78,335,000	1,037,780,700	-	1,116,115,700
Thanh lý trong năm	-	-	(641,122,500)	-	(641,122,500)
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	1,491,567,770	14,946,069,885	1,891,120,700	202,596,880	18,531,355,235
Hao mòn lũy kế					
Ngày 01 tháng 01 năm 2017	1,491,567,770	11,708,753,125	742,654,154	202,596,880	14,145,571,929
Khấu hao trong năm	-	476,628,761	98,079,084	-	574,707,845
Thanh lý trong năm	-	-	(641,122,500)	-	(641,122,500)
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	1,491,567,770	12,185,381,886	199,610,738	202,596,880	14,079,157,274
Giá trị còn lại					
Ngày 01 tháng 01 năm 2017	-	3,158,981,760	751,808,346	-	3,910,790,106
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	-	2,760,687,999	1,691,509,962	-	4,452,197,961

Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 12,365,499,134 đồng (31/12/2016: 12,875,799,634 đồng).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ báo cáo quý 2 năm 2017 kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Phần mềm VND</i>	<i>Tài sản vô hình khác VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
Nguyên giá			
Ngày 01 tháng 01 năm 2017	9,751,729,909	2,301,546,400	12,053,276,309
Tăng trong năm:			
- Mua mới	-	-	-
- Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>9,751,729,909</u>	<u>2,301,546,400</u>	<u>12,053,276,309</u>
Hao mòn lũy kế			
Ngày 01 tháng 01 năm 2017	5,013,892,595	2,268,927,644	7,282,820,239
Hao mòn trong năm	<u>535,136,244</u>	<u>32,618,756</u>	<u>567,755,000</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>5,549,028,839</u>	<u>2,301,546,400</u>	<u>7,850,575,239</u>
Giá trị còn lại			
Ngày 01 tháng 01 năm 2017	<u>4,737,837,314</u>	<u>32,618,756</u>	<u>4,770,456,070</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>4,202,701,070</u>	<u>-</u>	<u>4,202,701,070</u>

Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã hao mòn hết nhưng vẫn còn sử dụng là 6,556,247,195 đồng (năm trước: 6,602,747,195 đồng),

13. CẦM CỐ, THẾ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỢC

	<i>Số cuối kỳ VND</i>	<i>Số đầu kỳ VND</i>
Đặt cọc ngắn hạn hoạt động mua bán trái phiếu	-	17,820,920,000
Đặt cọc dài hạn cho các hoạt động khác	<u>1,057,258,000</u>	<u>1,057,258,000</u>
	<u>1,057,258,000</u>	<u>18,878,178,000</u>

14. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	<i>Số cuối kỳ VND</i>	<i>Số đầu kỳ VND</i>
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư (Thuyết minh số 32.3)	337,696,000	337,696,000
Dự phòng phải thu khó đòi (Thuyết minh số 32.3)	<u>2,280,562,460</u>	<u>2,280,562,460</u>
	<u>2,618,258,460</u>	<u>2,618,258,460</u>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ báo cáo quý 2 năm 2017 kết thúc cùng ngày

15. TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam,

Theo Quyết định số 27/QĐ-VSD ngày 13 tháng 03 năm 2015 về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ thanh toán của Tổng Giám đốc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và hàng năm phải đóng bổ sung 0,01% tổng giá trị chứng khoán mới giới của năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ VND/năm,

Biến động tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán trong năm như sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền nộp ban đầu	120,000,000	120,000,000
Tiền nộp bổ sung	3,918,764,383	3,791,904,536
	4,038,764,383	3,911,904,536

16. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Phải trả cho Sở Giao dịch Chứng khoán	175,984,286	180,509,226
Phải trả Trung tâm Lưu ký Chứng khoán	57,513,514	55,875,853
	233,497,800	236,385,079

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Phải trả mua các tài sản tài chính	5,743,503,920	50,791,500,000
Phải trả phí quản lý danh mục đầu tư (Thuyết minh 33.1)	-	5,486,414,577
Phải trả chi phí bảo trì phần mềm	-	384,581,250
Phải trả khác	264,669,614	214,965,149
	6,008,173,534	56,857,460,976

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ báo cáo quý 2 năm 2017 kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

18. VAY NGÂN HẠN

	Số đầu kỳ VND	Số vay trong kỳ VND	Số đã trả trong kỳ VND	Số cuối kỳ VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	245,350,000,000	1,458,515,674,115	(1,546,385,674,115)	157,480,000,000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	391,183,000,000	717,319,000,000	(540,387,500,000)	568,114,500,000
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	-	250,000,000,000	-	250,000,000,000
Công ty CP Truyền thông và Giải trí GALAXY	-	40,000,000,000	-	40,000,000,000
Công Ty TNHH MTV An Phẩm	-	8,000,000,000	-	8,000,000,000
	636,533,000,000	2,473,834,674,115	(2,086,773,174,115)	1,023,594,500,000

Các khoản vay của Công ty được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi có kỳ hạn của Công ty (Thuyết minh số 6.3).

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

STT	Chi tiêu	Số đầu kỳ VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Số cuối kỳ VND
1	Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 33)	8,021,141,430	12,978,345,294	(9,521,141,430)	11,478,345,294
2	Thuế giá trị gia tăng	262,860,000	9,090,909	(271,950,909)	-
3	Thuế thu nhập cá nhân	2,576,346,928	2,834,213,087	(4,711,358,431)	699,201,584
-	Thuế TNCN khấu trừ của nhân viên	2,258,459,326	923,528,417	(2,794,381,656)	387,606,087
-	Thuế TNCN khấu trừ của nhà đầu tư	245,398,684	1,893,650,194	(1,830,857,177)	308,191,701
-	Thuế TNCN khấu trừ của người cung cấp dịch vụ	72,461,968	17,032,576	(86,090,748)	3,403,796
-	Thuế TNCN khấu trừ từ cổ tức	26,950	1,900	(28,850)	-
		10,860,348,358	15,821,649,290	(14,504,450,770)	12,177,546,878

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ báo cáo quý 2 năm 2017 kết thúc cùng ngày

20. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGÃN HẠN

Đây là khoản tiền mà các nhà đầu tư đặt cọc cho Công ty để tìm kiếm và mua trái phiếu Chính phủ.

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Lãi dự trả cho các hợp đồng vay	1,534,463,044	635,146,056
Phải trả chi phí dịch vụ chuyên môn	-	182,839,518
	1,534,463,044	817,985,574

22. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGÃN HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Phải trả cổ tức cho cổ đông	1,284,098,375	1,290,767,375
Các khoản phải trả, phải nộp khác	15,359,301	15,359,301
	1,299,457,676	1,306,126,676

23. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Số đầu năm	2,145,075,336	11,881,898,816
Trích trong năm (Thuyết minh số 24.2)	3,078,328,638	4,553,176,520
Sử dụng trong năm	-	(14,290,000,000)
Số cuối năm	5,223,403,974	2,145,075,336

24. VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

24.1. Vốn góp của chủ sở hữu

Chi tiết số lượng cổ phần của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ Đơn vị	Số đầu kỳ Đơn vị
Số lượng cổ phần được phép phát hành	53,429,506	53,429,506
Cổ phiếu thường	53,429,506	53,429,506
Số lượng cổ phần đã phát hành và thanh toán đầy đủ	53,429,506	53,429,506
Cổ phiếu thường	53,429,506	53,429,506
Số lượng cổ phần mua lại (cổ phiếu quỹ)	4,070,750	4,070,750
Cổ phiếu thường	4,070,750	4,070,750
Số lượng cổ phần đang lưu hành	49,358,756	49,358,756
Cổ phiếu thường	49,358,756	49,358,756

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ báo cáo quý 2 năm 2017 kết thúc cùng ngày

24. VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

24.1 *Vốn góp của chủ sở hữu* (tiếp theo)

Tại 31/6/2017, vốn góp của chủ sở hữu là 710.279.992.242 đồng

24.2 *Lợi nhuận chưa phân phối*

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	130,996,547,307	68,963,978,922

Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
Lãi đã thực hiện chưa phân phối năm trước	68,963,978,922	92,178,157,948
Lãi đã thực hiện kỳ này	65,110,897,023	61,566,572,770
Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông	134,074,875,945	153,744,730,718
Số trích các quỹ từ lợi nhuận		
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh số 23)	(3,078,328,638)	(4,553,176,520)
- Quỹ dự trữ điều lệ	-	(3,078,328,638)
- Quỹ dự phòng tài chính	-	(3,078,328,638)
Số lãi phân phối cho cổ đông năm nay	-	(74,070,918,000)
Chia cổ tức bằng tiền mặt	-	(43,573,138,000)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu thưởng	-	(30,497,780,000)
Tổng thu nhập chưa phân phối cho cổ đông	130,996,547,307	68,963,978,922

25. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

25.1. *Nợ khó đòi đã xử lý*

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
Khoản cho vay hỗ trợ thanh toán	21,474,230,387	21,474,230,387
Tạm ứng tiền bán chứng khoán	22,628,366,087	22,628,366,087
Phải thu hoạt động tư vấn	973,316,000	973,316,000
Phải thu cổ tức	1,114,000,000	1,114,000,000
	46,189,912,474	46,189,912,474

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ báo cáo quý 2 năm 2017 kết thúc cùng ngày

25. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

25.2. Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
USD	<u>676,357,874</u>	<u>7,138,430,798</u>

25.3. Cổ phiếu đang lưu hành

	<u>Số cuối kỳ</u> Cổ phiếu	<u>Số đầu kỳ</u> Cổ phiếu
Cổ phiếu đang lưu hành của Công ty	<u>49,358,756</u>	<u>49,358,756</u>

25.4. Cổ phiếu quỹ

	<u>Số cuối kỳ</u> Cổ phiếu	<u>Số đầu kỳ</u> Cổ phiếu
Cổ phiếu quỹ	<u>4,070,750</u>	<u>4,070,750</u>

25.5. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch của Công ty

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
Mệnh giá tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	190,309,450,000	144,480,750,000
Mệnh giá tài sản tài chính chờ thanh toán	845,900,000	4,500,000,000
	<u>191,155,350,000</u>	<u>148,980,750,000</u>

25.6. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Công ty

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	<u>1,328,310,000</u>	<u>22,430,000</u>

25.7. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Công ty

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
Cổ phiếu (Mệnh giá)	<u>9,198,700,000</u>	<u>54,708,700,000</u>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ báo cáo quý 2 năm 2017 kết thúc cùng ngày

25, THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

25,8 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch của nhà đầu tư

	Số cuối kỳ Cổ phiếu	Số đầu kỳ Cổ phiếu
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	79,717,751	80,963,670
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	323,050	3,828
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	7,920,000	7,920,000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	636,985	636,985
Tài sản tài chính chờ thanh toán	1,135,158	400,610
	89,732,944	89,925,093

25,9 Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của nhà đầu tư

	Số cuối kỳ Cổ phiếu	Số đầu kỳ Cổ phiếu
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	1,584,054	1,490,606

25,10 Tài sản tài chính chờ về của nhà đầu tư

	Số cuối kỳ Cổ phiếu	Số đầu kỳ Cổ phiếu
Cổ phiếu	945,880	932,571

25,11 Tiền gửi của Nhà đầu tư

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	122,386,250,627	59,758,999,483
- Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	122,130,729,381	59,132,700,544
- Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	255,521,246	626,298,939
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	6,107,219	5,940,991
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	5,699,199	5,534,760
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài	408,020	406,231
	122,392,357,846	59,764,940,474

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ báo cáo quý 2 năm 2017 kết thúc cùng ngày

25, THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

25,12 *Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý*

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	102,197,683,456	31,817,595,488
<i>Của Nhà đầu tư trong nước</i>	96,670,534,811	31,190,813,317
<i>Của Nhà đầu tư nước ngoài</i>	5,527,148,645	626,782,171
Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	20,194,566,200	27,912,061,600
<i>Của Nhà đầu tư trong nước</i>	20,194,566,200	27,912,061,600
<i>Của Nhà đầu tư nước ngoài</i>	-	-
Phải trả khác của Nhà đầu tư	108,190	35,283,386
<i>Của Nhà đầu tư trong nước</i>	108,190	35,283,386
	<u>122,392,357,846</u>	<u>59,764,940,474</u>

25,13 *Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu*

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Phải trả cổ tức và lãi trái phiếu	<u>1,284,098,375</u>	<u>1,290,767,375</u>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ báo cáo quý 2 năm 2017 kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

25. LÃI/LỖ TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

26.1. Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán Cổ phiếu	Giá bán VND	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi, lỗ bán chứng khoán năm nay VND
1	Cổ phiếu niêm yết	8,881,110		206,153,751,998	183,449,556,399	22,704,195,599
	REE	1,260,400	26,148	34,420,526,000	29,219,707,008	5,200,818,992
	HCM	628,580	40,055	24,662,784,663	19,187,881,392	5,474,903,271
	CIJ	561,200	35,261	19,651,664,545	15,012,920,627	4,638,743,918
	VCB	405,000	38,793	15,689,809,000	13,267,953,923	2,421,855,077
	GMD	381,500	37,699	14,630,824,000	11,421,352,451	3,209,471,549
	DXG	810,000	16,933	13,781,000,000	9,692,861,235	4,088,138,765
	DHG	102,920	123,023	12,728,489,000	7,046,967,421	5,681,501,579
	SSI	477,490	25,763	12,586,697,500	10,976,017,047	1,610,680,453
	FCN	296,090	26,172	7,847,636,120	6,438,878,690	1,408,757,430
	LDG	441,000	16,864	7,239,917,090	4,717,080,884	2,522,836,206
	SHG	2,228,000	3,000	6,684,000,000	21,829,306,858	15,145,306,858
	TRC	194,820	29,323	5,693,524,500	7,652,960,287	1,959,435,787
	FPT	119,690	45,013	5,487,967,480	4,032,640,813	1,455,326,667
	Cổ phiếu khác	974,420	352,932	25,048,912,100	22,963,007,763	2,085,904,337
2	Trái phiếu niêm yết	17,500,000		1,840,812,000,000	1,838,274,000,000	2,538,000,000
	TD1419081	1,500,000	106,716	160,074,000,000	160,048,500,000	25,500,000
	TD1520264	4,000,000	105,445	421,780,000,000	420,877,000,000	903,000,000
	TD1530290	500,000	117,153	58,575,500,000	58,419,000,000	157,500,000
	TD1623481	500,000	113,361	56,680,500,000	56,704,000,000	23,500,000
	TD1626456	5,000,000	105,920	529,599,000,000	528,694,500,000	904,500,000
				2,046,965,751,998	2,021,723,556,399	25,242,195,599

Trong đó:

- Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL
- Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL

43,404,847,941
(18,162,652,342)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ báo cáo quý 2 năm 2017 kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

26. LÃI/LỖ TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

26.2. Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo số kế toán VND	Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại năm nay VND	Chênh lệch đánh giá lại năm trước VND	Chênh lệch điều chỉnh số kế toán kỳ nay VND
I	FVTPL	265,517,830,388	307,384,644,112	41,866,813,724	-	41,866,813,724
1	Cổ phiếu niêm yết	265,505,989,898	307,381,333,112	41,875,343,214	-	41,875,343,214
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	11,840,490	3,311,000	(8,529,490)	-	(8,529,490)
3	Trái phiếu niêm yết	-	-	-	-	-
	Trong đó:					
-	Chênh lệch tăng					82,913,835,275
-	Chênh lệch giảm					(41,047,021,551)
II	HTM	1,144,650,000,000	1,144,650,000,000	-	-	-
III	Các khoản cho vay và phải thu	115,843,147,143	115,262,988,425	(580,158,718)	(1,241,357,651)	661,198,933
IV	AFS	48,466,258,872	46,777,778,872	(1,688,480,000)	(1,688,480,000)	-
		1,574,477,236,403	1,614,075,411,409	39,598,175,006	(2,929,837,651)	42,528,012,657

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 30 tháng 8 năm 2017 và cho kỳ báo cáo quý 2 năm 2017 kết thúc cùng ngày

26, LÃI/LỖ TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

26.3, *Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL, HTM, các khoản cho vay và phải thu*

	<i>Kỳ này</i> VND	<i>Kỳ trước</i> <i>(trình bày lại)</i> VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	4,937,565,400	5,971,284,490
Từ tài sản tài chính HTM	18,087,648,332	6,007,543,886
Từ các khoản cho vay và phải thu	2,712,068,958	1,648,849,248
	25,737,282,690	13,627,677,624

26.4, *Doanh thu ngoài thu nhập các tài sản tài chính*

	<i>Kỳ này</i> VND	<i>Kỳ trước</i> <i>(trình bày lại)</i> VND
Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	2,418,952,286	1,900,499,159
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	111,830,144	94,036,973
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	-	-
	2,530,782,430	1,994,536,132

27, DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<i>Kỳ này</i> VND	<i>Kỳ trước</i> <i>(trình bày lại)</i> VND
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-
- <i>Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã thực hiện</i>	-	-
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	6,398,105,858	887,779,072
	6,398,105,858	887,779,072

28, CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<i>Kỳ này</i> VND	<i>Kỳ trước</i> <i>(trình bày lại)</i> VND
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	2,784,823,912	2,458,491,603
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	110,966,129	93,828,223
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	2,707,173,201	1,403,869,188
	5,602,963,242	3,956,188,994

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ báo cáo quý 2 năm 2017 kết thúc cùng ngày

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Kỳ này</i> <i>VND</i>	<i>Kỳ trước</i> <i>(trình bày lại)</i> <i>VND</i>
Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	12,184,640	98,586,153
Chi phí lãi vay	12,331,995,173	3,782,077,994
	12,344,179,813	3,860,664,147

30. THU NHẬP KHÁC

	<i>Kỳ này</i> <i>VND</i>	<i>Kỳ trước</i> <i>VND</i>
Thu nhập khác	1,188,204,339	1
Chi phí khác	(232,849,226)	-
	955,355,113	1

31. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	<i>Kỳ này</i> <i>VND</i>	<i>Kỳ trước</i> <i>(trình bày lại)</i> <i>VND</i>
Chi phí lương và các khoản khác theo lương	2,328,360,583	2,119,640,343
Chi phí dịch vụ mua ngoài	747,363,760	664,518,038
BHXH, BHYT, KPCĐ và BHTN	350,967,250	288,156,540
Chi phí khấu hao TSCĐ	103,228,225	161,016,224
Chi phí công cụ, dụng cụ	62,704,863	84,413,027
Chi phí thuế, phí và lệ phí	8,252,296	5,469,775
Chi phí khác	767,248,264	485,346,043
	4,368,125,241	3,808,557,990

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế (năm 2016: 20%),

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ báo cáo quý 2 năm 2017 kết thúc cùng ngày

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

32,1 Chi phí thuế TNDN

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành	12,978,345,293	5,439,129,545
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
	12,978,345,293	5,439,129,545

32,2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ báo cáo.

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận thuần đã thực hiện trước thuế	78,089,242,316	34,888,719,017
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty (năm trước: 20%)	15,617,848,463	6,977,743,803
Các khoản điều chỉnh tăng		
- Chi phí dự phòng không được khấu trừ	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm		
- Thu nhập từ cổ tức	(2,639,503,170)	(1,538,614,258)
Chi phí thuế TNDN	12,978,345,293	5,439,129,545

32,3 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Báo cáo tình hình tài chính riêng		Ảnh hưởng đến báo cáo kết quả hoạt động riêng	
	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tài sản thuế TNDN hoãn lại				
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	337,696,000	337,696,000	-	-
Dự phòng phải thu khó đòi	2,280,562,460	2,280,562,460	-	-
	2,618,258,460	2,618,258,460		
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			-	-

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ báo cáo quý 2 năm 2017 kết thúc cùng ngày

33. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

33.1 *Nghiệp vụ với các bên liên quan*

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt	Công ty con	Phí quản lý danh mục đầu tư	1,602,850,759	1,634,113,164

Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư các giao dịch với các bên liên quan như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Số cuối kỳ VND</u>	<u>Số đầu kỳ VND</u>
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt	Công ty con	Danh mục ủy thác đầu tư	86,271,901,127	91,704,246,975
		Phải trả phí quản lý danh mục	-	5,466,414,577

33.2 *Các giao dịch với các bên liên quan khác*

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc trong năm là 462,300,000 đồng (năm trước: 462,300,000 đồng).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ báo cáo quý 2 năm 2017 kết thúc cùng ngày

33. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

33.3 Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Đến 1 năm	2,895,355,680	2,895,355,680
Trên 1 - 5 năm	2,412,796,400	2,412,796,400
	5,308,152,080	5,308,152,080

33.4 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá ngoại tệ hối đoái. Công ty đánh giá rủi ro ngoại tệ của Công ty ở mức rất thấp do trong năm 2015 và năm 2016, Công ty hầu như không tham gia vào các giao dịch ngoại tệ.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, và cho kỳ báo cáo quý 2 năm 2017 kết thúc cùng ngày

33, NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

33.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tình không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản cho vay kỳ quỹ và ứng trước tiền bán cho khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được và yêu cầu các hình thức đảm bảo hoặc bảo hiểm tín dụng cho các khách hàng lớn. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và thành lập một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong Báo cáo tình hình tài chính riêng tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay kỳ quỹ và ứng trước cho khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến quy trình cho vay kỳ quỹ và ứng trước cho khách hàng.

Công ty thực hiện đánh giá và thẩm định khách hàng để xác định hạn mức tín dụng cũng như các tỷ lệ ký quỹ và ứng trước khi ký kết các hợp đồng ký quỹ và ứng trước cho khách hàng, cũng như định kỳ kiểm tra lại tình hình tài chính của khách hàng vay để có các điều chỉnh phù hợp về tỷ lệ ký quỹ và hạn mức tín dụng.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ báo cáo quý 2 năm 2017 kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

33. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

33.6 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Các khoản cho vay kỳ quỹ và ứng trước cho khách hàng

Ngoại trừ các tài sản tài chính mà Công ty đã lập dự phòng như trong *Thuyết minh số 6.5*, Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt, ngoại trừ các khoản phải thu sau đây được coi là quá hạn nhưng chưa bị suy giảm tại ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Chi tiết về phân loại chất lượng tín dụng toàn bộ tài sản tài chính có liên quan đến rủi ro tín dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 như sau:

Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Quá hạn nhưng không bị suy giảm				Bị suy giảm giá trị VND	Tổng cộng VND
	Không quá hạn và không bị suy giảm VND	Dưới 3 tháng VND	3 - 6 tháng VND	6 - 12 tháng VND		
Các khoản cho vay - gộp	115,262,988,425	-	-	-	580,158,718	115,843,147,143
Tài sản tài chính khác	66,924,389,732	-	-	-	-	66,924,389,732
Phải thu bán các tài sản tài chính	3,569,315,000	-	-	-	-	3,569,315,000
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	36,932,511,113	-	-	-	-	36,932,511,113
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	182,680,677	-	-	-	-	182,680,677
Các khoản cầm cố, kỳ quỹ, kỳ cược	1,057,205,500	-	-	-	-	1,057,205,500
Phải thu khác	25,182,677,442	-	-	-	-	25,182,677,442
Tổng cộng	182,187,378,157	-	-	-	580,158,718	182,767,536,875

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn, Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ báo cáo quý 2 năm 2017 kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

33. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

33.6. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017:

	Quá hạn VND	Không kỳ hạn VND	Đến 01 năm VND	Từ 01 - 05 năm VND	Trên 05 năm VND	Tổng cộng VND
TÀI SẢN TÀI CHÍNH						
Các khoản đầu tư nắm giữ để kinh doanh - gộp	-	307,384,644,112	-	-	-	307,384,644,112
Cổ phiếu niêm yết	-	307,381,333,112	-	-	-	307,381,333,112
Cổ phiếu chưa niêm yết	-	3,311,000	-	-	-	3,311,000
Trái phiếu	-	-	-	-	-	-
Các khoản đầu tư sẵn sàng để bán - gộp	-	48,466,258,872	-	-	-	48,466,258,872
Cổ phiếu chưa niêm yết	-	48,466,258,872	-	-	-	48,466,258,872
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	1,144,650,000,000	-	-	1,144,650,000,000
Tiền gửi kỳ hạn	-	-	1,144,650,000,000	-	-	1,144,650,000,000
Các khoản cho vay - gộp	580,158,718	-	115,262,988,425	-	-	115,843,147,143
Tài sản tài chính khác	-	182,680,677	61,645,739,172	1,057,258,000	4,038,764,383	66,924,389,732
Phải thu bán các tài sản tài chính	-	-	3,569,315,000	-	-	3,569,315,000
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	-	-	36,932,511,113	-	-	36,932,511,113
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	-	182,680,677	-	-	-	182,680,677
Các khoản cầm cố, kỳ quỹ, kỳ cước	-	-	-	1,057,258,000	-	1,057,258,000
Phải thu khác	-	-	21,143,913,059	-	4,038,764,383	25,182,677,442
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	29,283,173,225	-	-	-	29,283,173,225
	580,158,718	383,563,350,686	1,263,775,976,710	1,057,258,000	4,038,764,383	1,653,015,608,497
NỢ TÀI CHÍNH						
Vay ngắn hạn	-	-	1,023,594,500,000	-	-	1,023,594,500,000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	-	233,497,800	-	-	-	233,497,800
Phải trả, phải nộp khác	-	8,842,084,254	-	-	-	8,842,084,254
	-	9,075,592,054	1,023,594,500,000	-	-	1,032,670,092,054
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	580,158,718	374,487,758,632	240,181,476,710	1,057,258,000	4,038,764,383	620,345,416,443

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ báo cáo quý 2 năm 2017 kết thúc cùng ngày

33. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

33.6 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp, Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

34. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng.



Bà Nguyễn Thị Vân
Người lập



Ông Lê Quang Tiến
Kế toán Trưởng



Bà Nguyễn Thanh Thảo
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 20 tháng 7 năm 2017

